TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 22 – 8 – 2026
V/v: *Kiện xin ly hôn, nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Bằng

Bà Trương Thị Thúy Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hoà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2026, tại Hội trường Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia thụ lý số: 243/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2026 về việc "*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn N, sinh ngày: 04/11/1983, CCCD: 091083000198; HKTT: Thôn S, xã N, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ cần báo: Ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh ngày: 10/10/1977, CCCD: 044177001940; HKTT và chỗ ở: Thôn S, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Anh N, chị K đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/3/2026, được bổ sung tại bản tự khai, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Ngô Văn N trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2010 ngày 13/10/2010. Trong quá trình chung sống, anh N và chị Nguyễn Thị K chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó vợ chồng anh

N bắt đầu nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng anh N bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng và con cái.

Tại phiên tòa, anh N nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh N vẫn giữ nguyên ý kiến, đề nghị được Tòa án giải quyết cho anh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị K để anh, chị sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

- *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Kiều T, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Ngô Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/4/2018. Hiện các cháu đều sống với mẹ là chị K. Sau ly hôn, anh N có nguyện vọng để chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Anh Ngô Văn N trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị K trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Ngô Văn N có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2010 ngày 13/10/2010, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện đúng như anh N đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng do điều kiện kinh tế nên năm 2018, anh chị đã bàn bạc vay mượn tiền để anh N đi xuất khẩu lao động, cải thiện đời sống gia đình. Thời gian đầu anh N thường xuyên liên lạc và gửi tiền về cho chị K trả nợ và trang trải cuộc sống cũng như nuôi các con ăn học. Đến năm 2020 anh N không liên lạc cũng không gửi tiền về cho chị K nữa. Chị K được biết tin anh N đã có người phụ nữ khác. Tuy nhiên, chị K thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

- *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Kiều T, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Ngô Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/4/2018. Hiện các cháu đều sống với mẹ là chị K. Sau ly hôn, chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con và yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị K cũng trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh N có đơn xin giải quyết vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm; mặc dù anh N, chị K đều thống nhất các mối quan hệ, chị K cũng đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Nhung chị K đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vụ án theo quy định và không yêu cầu ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

Tại giấy nguyện vọng của cháu Ngô Kiều T, sinh ngày 27/4/2011 và cháu Ngô Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/4/2018 trình bày:

Các cháu là con của bố Ngô Văn N và mẹ Nguyễn Thị K. Hiện nay các cháu đang sinh sống với mẹ Nguyễn Thị K tại xã N, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay bố mẹ các cháu ly hôn, nguyện vọng của các cháu sau khi bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với mẹ Nguyễn Thị K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án và nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 121, 127 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Ngô Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị K. Về nuôi con chung: Giao các cháu Ngô Kiều T, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Ngô Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/4/2018 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh N có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với chị K mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh N chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Ngô Văn N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị giải quyết ly hôn nơi chị Nguyễn Thị K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn S, xã N, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện: Anh Ngô Văn N yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị K, vụ án được thụ lý quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị K có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Quảng Trị) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2010 ngày 13/10/2010, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Do đó, hôn nhân giữa anh N và chị K là hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh Ngô Văn N xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính từ cả hai phía. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng phải chăm sóc và yêu thương nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau, không tìm được tiếng nói chung. Chị K mặc dù tại bản tự khai cho rằng mâu thuẫn không có trầm trọng và mong muốn được đoàn tụ nhưng thực tế anh chị đã sống ly thân, đời sống hôn nhân không ai quan tâm đến ai, không đưa ra các biện pháp để cải thiện mâu thuẫn và đoàn tụ. Tại phiên tòa anh N, chị K đều đề nghị được giải quyết cho anh chị được ly hôn. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Văn N và chị Nguyễn Thị K cùng khai vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Kiều T, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Ngô Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/4/2018. Hiện các cháu đều sống với mẹ là chị K. Sau ly hôn, anh N có nguyện vọng giao các con chung cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Chị K cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con và yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Tại bản trình bày nguyện vọng ngày 19/8/2026, các cháu Ngô Kiều T và Ngô Nguyễn Văn T1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cháu Ngô Kiều T, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Ngô Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/4/2018 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ngô Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Anh Ngô Văn N, chị Nguyễn Thị K có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị K đều không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Ngô Văn N phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26, số: 0002106 ngày 11/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Văn N phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[3]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Ngô Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

2. *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao con chung 02 con chung là cháu Ngô Kiều T, sinh ngày 26/4/2011 và cháu Ngô Nguyễn Văn T1, sinh ngày 26/4/2018 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Kiều T, cháu Văn T1 xin được ở với mẹ K, sau khi bố mẹ ly hôn. Anh Ngô Văn N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 9/2026 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ

thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. *Về án phí:*

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Ngô Văn N phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: : BLTU/26, số: 0002106 ngày 11/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Văn N phải chịu nộp 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện và thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các khoản 2 Điều 4, điểm e khoản 1 Điều 6, điều 34, 36 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/8/2026).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Trị;
- Phong THADS khu vực 1 – Quảng Trị;
- UBND xã Nam Trạch;
- Công an xã Nam Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh